

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 24/5/2023
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Chung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Bà Phạm Thị Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 24/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2022/TLST – HNGĐ, ngày 24/11/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 10/5/2023, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thanh L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Vực 3, thôn Th, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ *Bị đơn:* Anh Phạm Văn C, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Vực 3, thôn Th, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ngân hàng TMCP Quốc tế V(VIB);

Địa chỉ: Tầng 1 (Tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà Salling Tower, số 111A Pasteur, phường B, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh Quảng Ngãi: 186 H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Nguyễn Q, sinh năm 1950, địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Đắk Nông.

+ Anh Lê Ngọc D, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông.

+ Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Chị và Anh Phạm Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14/8/2009. Đến tháng 8 năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh C ngoại tình với người phụ nữ khác. Từ đó, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Phạm Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 05/02/2009; Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 21/10/2010; Phạm Thị Tiểu M, sinh ngày 06/5/2019 và Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 29/11/2021. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng cho mỗi cháu mỗi tháng 5.000.000đồng. Tại đơn trình bày ngày 13/4/2023 và tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/4/2023, chị thay đổi yêu cầu về con chung, chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Tiểu M và cháu Phạm Thị Mỹ D, giao hai cháu Phạm Thị Thúy H, Phạm Thị Quỳnh N cho anh C nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng có 01 chiếc xe ô tô, nhãn hiệu Mitssubishi, biển kiểm soát 76A -12117, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – chi nhánh Quảng Ngãi, trị giá 250.000.000đồng. Chị yêu cầu giao xe cho anh C sở hữu, anh C thanh toán cho chị số tiền 125.000.000đồng. Vợ chồng còn nợ tại Ngân hàng TMCP Quốc tế V– chi nhánh Quảng Ngãi 250.000.000đồng, nợ Ông Nguyễn Q 20.000.000đồng, nợ Anh Lê Ngọc D 20.000.000đồng, nợ Chị Nguyễn Thị Thanh L 10.000.000đồng. Chị yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả ½ nợ chung.

Ngày 13/4/2023, chị rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự 07/4/2023, bị đơn anh Anh Phạm Văn C trình bày:

Việc kết hôn, con chung, tài sản chung đúng như chị Lý trình bày. Sau khi kết

hôn, vợ chồng sống chung với cha mẹ anh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không chia sẻ nhau trong cuộc sống, dần dần tình cảm vợ chồng phai nhạt. Từ năm 2021, vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh, anh đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu H và cháu N vì hiện nay 02 cháu đang ở với anh, giao cháu D và cháu M cho chị L nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MITSSUBISHI, số loại NC1WKN 014307, số máy 4A91HN7150, biển kiểm soát 76A-12117, hiện nay thế chấp tại ngân hàng TMCP Quốc tế, anh không yêu cầu giải quyết tài sản chung vì đang thế chấp tại Ngân hàng.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP Quốc tế V số tiền 250.000.000 đồng để mua xe ô tô, anh đồng ý trả khoản nợ này. Còn những khoản Ông Nguyễn Q số tiền 20.000.000 đồng, Anh Lê Ngọc D số tiền 20.000.000 đồng, Chị Nguyễn Thị Thanh L số tiền 10.000.000 đồng, anh không đồng ý vì những khoản nợ này chị L tự vay, làm gì anh không biết nên không có trách nhiệm trả nợ.

Tại bản tự khai ngày 14/4/2023, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Q, Anh Lê Ngọc D, Chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Ông Qu, chị L, anh D không yêu cầu Toà án giải quyết khoản nợ do chị L yêu cầu giải quyết, để ông Qu, chị L, anh D và chị L tự thoả thuận. Đề nghị Toà án không đưa ông Qu, chị L, anh D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Quốc tế V(VIB): Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho Ngân hàng TMCP Quốc tế V – chi nhánh Quảng Ngãi nhưng Ngân hàng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án về khoản nợ vay của chị L, anh C tại Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Quốc tế V(VIB) – chi nhánh Quảng Ngãi đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Quốc tế V chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Q, Anh Lê Ngọc D, Chị Nguyễn Thị Thanh L chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 53, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thanh L:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận việc ly hôn giữa Chị Nguyễn Thanh L và Anh Phạm Văn C.

Về việc nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị L. Chị L, anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị L rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đình chỉ đối với vấn đề tài sản chung.

Về nợ chung: Chị L rút yêu cầu khởi kiện về nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đình chỉ đối với vấn đề nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật, hoàn trả lại số tiền 3.125.0.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thanh L, Anh Phạm Văn C có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh L, Anh Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14/8/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C là hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Chị L và anh C đều thuận tình ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận yêu cầu ly

hôn Anh Phạm Văn C của Chị Nguyễn Thanh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thanh L và Anh Phạm Văn C có 04 con chung là Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 05/02/2009; Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 21/10/2010; Phạm Thị Tiểu M, sinh ngày 06/5/2019 và Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 29/11/2021. Xét nguyện vọng của chị L và anh C về nuôi con chung phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của hai bên, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận, giao cháu Phạm Thị Tiểu M và Phạm Thị Mỹ D cho chị Lý trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Thị Thúy H, Phạm Thị Quỳnh N cho anh Cường trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh C không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ngày 13/4/2023, Chị Nguyễn Thanh L rút yêu cầu chia tài sản chung đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitssubishi, biển kiểm soát 76A - 12117. Xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản chung của chị L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác hiện nay, chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitssubishi, biển kiểm soát 76A -12117 đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế V- chi nhánh Quảng Ngãi theo hợp đồng thế chấp số 9918434.20 ngày 26/3/2020 để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 1356478.20 ngày 26/3/2020 nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị L.

[6] Về nợ chung:

[6.1] Ông Nguyễn Q, ông Lê Ngọc D, bà Nguyễn Thị Thanh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các khoản nợ của ông bà, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6.2] Đối với các khoản nợ của Ngân hàng TMCP Quốc tế - chi nhánh Quảng Ngãi số tiền 250.000.000đồng. Tòa án đã Thông báo thụ lý vụ án cho Ngân hàng đề Ngân hàng có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ trên và cũng không có ý kiến gì gửi cho Tòa án về khoản nợ vay của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 235; Điều 266; Điều 267 và khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh L được ly hôn Anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thanh L và Anh Phạm Văn C xác định có 04 người con chung: Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 05/02/2009; Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 21/10/2010; Phạm Thị Tiểu M, sinh ngày 06/5/2019 và Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 29/11/2021.

2.1. Giao cháu Phạm Thị Tiểu M và Phạm Thị Mỹ D cho chị Lý trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

2.2. Giao cháu Phạm Thị Thúy H, Phạm Thị Quỳnh N cho anh Cường trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, một trong các bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh C không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của nguyên đơn Chị Nguyễn Thanh L.

4. Về án phí: **Chị Nguyễn Thanh L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.425.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0003376, ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn. Hoàn trả cho Chị Nguyễn Thanh L số tiền tạm ứng án phí 3.125.000đồng (ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Đình Chung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN ⁽⁵⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁶⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁷⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁸⁾..... tham gia phiên tòa:

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁹⁾ tại

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....⁽¹¹⁾

ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....⁽¹²⁾

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....

tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:⁽¹³⁾

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁴⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁵⁾

2. Bị đơn:⁽¹⁶⁾

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁷⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁸⁾

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):⁽¹⁹⁾

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽²⁰⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽²¹⁾

4. Người làm chứng⁽²²⁾

5. Người giám định:⁽²³⁾

6. Người phiên dịch:⁽²⁴⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN: ⁽²⁵⁾

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽²⁶⁾

[1]

[2]

[3]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.....⁽²⁷⁾

⁽²⁸⁾.....

.....⁽²⁹⁾

)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên

toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thăng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ,

khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)